Huyện ủy Vĩnh Bảo
huvinhbaoqtc1@huvinhbao
09.10.2024 09:47:35
+07:00

ĐẢNG BỘ TP HẢI PHÒNG
HUYỆN ỦY VĨNH BẢO
*
Số 623-BC/HU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Vĩnh Bảo, ngày 30 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU, ngày 10/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVI về "Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Sau khi có Nghị quyết số 05-NQ/HU, ngày 10/12/2021, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch số 63-KH/HU ngày 30/3/2022 về việc tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU; tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai đối với cán bộ quản lý giáo dục, lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn, cán bộ các phòng, ban ngành liên quan của huyện về nghị quyết; UBND huyện ban hành Kế hoạch số 1240/KH-UBND, ngày 21/6/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU; 30/30 Đảng ủy xã, thị trấn đã tổ chức quán triệt, lồng ghép các nhiệm vụ chỉ đạo lĩnh vực giáo dục trong chương trình công tác khóa và hằng năm gắn với thực hiện chỉ tiêu huyện giao.

Công tác tuyên truyền, phổ biến học tập nghị quyết được tiến hành khẩn trương; hình thức, nội dung, đối tượng tuyên truyền phong phú, đa dạng và có hiệu quả. Nhiều tin, bài, chuyên mục về giáo dục được Đài phát thanh huyện và hệ thống truyền thanh cơ sở biên tập, phát thanh, phát sóng trên kênh YouTube THVB, các trang mạng xã hội, thông tin đại chúng, sinh hoạt chuyên môn của ngành giáo dục, 25 hội nghị, 11 lớp bồi dưỡng chính trị hè cho 3.650 lượt cán bộ chủ chốt, giáo viên các trường học. Từ đó, góp phần nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền các cấp; cấp ủy, ban giám hiệu các trường học về vai trò của giáo dục và tầm quan trọng của việc triển khai, thực hiện Nghị quyết, tạo sự chuyển biến tích cực trong cán bộ, đảng viên, Nhân dân cùng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện.

Công tác đối thoại giữa Thường trực Huyện ủy với cán bộ, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục được quan tâm thực hiện, Huyện ủy tổ chức Hội nghị đối thoại chuyên đề giữa đồng chí Bí thư Huyện ủy với ngành giáo dục huyện năm 2022 tập trung vào các vấn đề: sáp nhập trường, tuyển dụng giáo viên, phân bổ định biên, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên tại các trường học; các khoản thu trong trường học, đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút giáo viên, bồi dưỡng học sinh giỏi. Năm 2024, tổ chức buổi gặp mặt, tiếp xúc động viên giữa đồng chí Bí thư Huyện ủy với các giáo viên dạy tập huấn 13 đội tuyển học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 trong huyện.

Chỉ đạo UBND huyện, Đảng ủy các xã, thị trấn, ngành giáo dục tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU-NQ/HU và Đề án 2568/ĐA-UBND cùng với đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Năm 2023, tổ chức đoàn giám sát của Ban Thường vụ Huyện ủy trong thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU đối với 04 đơn vị: Đảng ủy Thị trấn Vĩnh Bảo, Đảng ủy xã Tiền Phong, Đảng ủy trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, Chi bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, làm tiền đề cho việc sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết 05-NQ/HU của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVI.

2. Những kết quả đạt được

a) Về đội ngũ giáo viên

Công tác xây dựng đội ngũ được các cấp ủy, chính quyền và các cơ sở giáo dục quan tâm; việc tuyển dụng giáo viên cơ bản đã đáp ứng số lượng và đồng bộ về cơ cấu. Đội ngũ nhà giáo có phẩm chất, năng lực, trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Các đơn vị đã chủ động bố trí, sắp xếp giáo viên phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non mới và Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo tập trung cao trong công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý và giảng dạy của giáo viên; đáp ứng các quy định chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp. Việc đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của giáo viên được triển khai kịp thời. Năm học 2023-2024, giáo viên có trình độ Đại học 88,9% (tăng 7,5%), tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn theo quy định trên 96% (tăng 9,6%), thạc sĩ 103 người đạt 0,41%, giảm 0,04% so với năm học 2020-2021 khi Nghị quyết được ban hành.

b) Chất lượng giáo dục

- *Về chất lượng giáo dục đại trà:* Tỷ lệ tốt nghiệp THCS và THPT các năm luôn giữ vững. Cụ thể, năm học 2023-2024, cấp THCS đạt 99,9% (Năm học 2020-2021 là 99,96%); đối với cấp THPT đạt 100% (Năm học 2020-2021 là 99,68%). Điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp THPT toàn huyện năm học 2023-2024 là 7,19 điểm (so với năm học 2020-2021 là 6,53 điểm); tốt nghiệp GDTX đạt tỷ lệ 97,6%, tăng 3,53% (so với năm học 2020-2021 đạt 94,07%)[1].

- *Về chất lượng học sinh giỏi:* Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi được tập trung thực hiện đạt kết quả tích cực. Kết quả thi học sinh giỏi cấp thành phố đối với các môn văn hóa lớp 9 (THCS) có sự chuyển biến, cụ thể: Năm học 2023-2024 đạt 127 giải, trong đó 13 giải Nhất, 33 giải Nhì, 45 giải Ba và 36 khuyến khích *(tăng 108 giải so với năm học 2020-2021)*, đạt tỉ lệ 88,19% tổng học sinh tham gia thi *(tăng 33% so với năm học trước)*. Đối với cấp THPT, GDTX, kết quả kỳ chọn và giao lưu học sinh giỏi cấp thành phố đạt 771 giải, trong đó, 48 giải Nhất, có 199 giải Nhì, có 259 giải Ba và 264 Khuyến khích *(tăng 646 giải so với năm học 2020-2021)*.

---

[1] Kết quả điểm bình quân thi tốt nghiệp các trường THPT huyện xếp thứ 30/65 trường THPT trong toàn thành phố; Kết quả tốt nghiệp GDTX đứng thứ 5/15 quận huyện, sau các đơn vị: TT GDTX Dương Kinh, GDTX Hải Phòng, GDTX Kiến An, GDTX Thủy Nguyên.

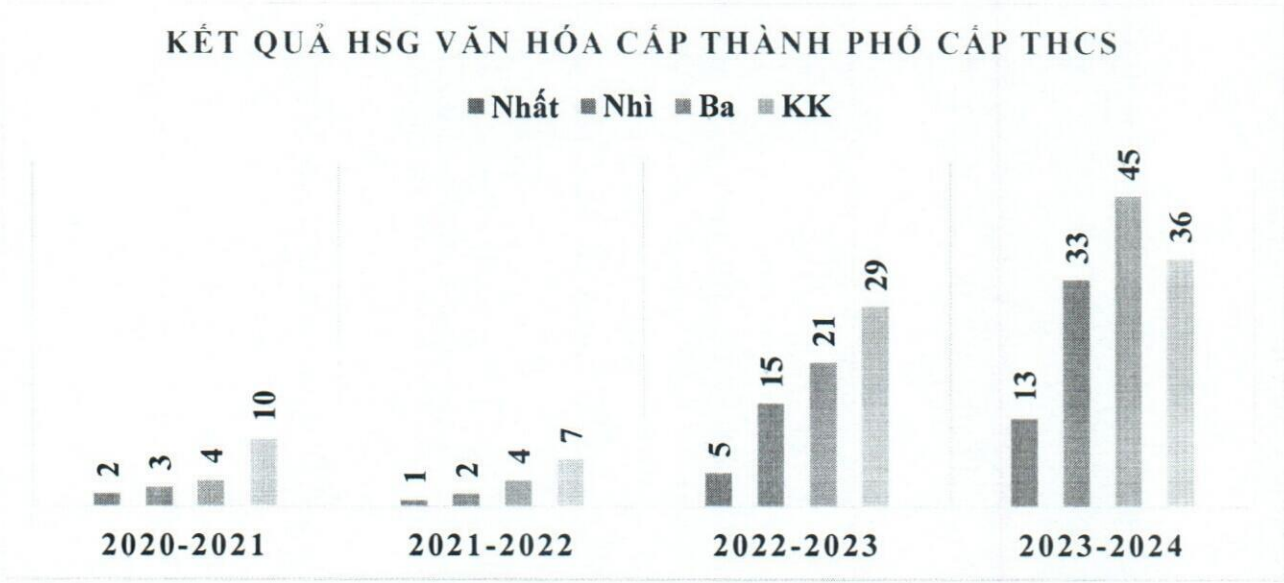

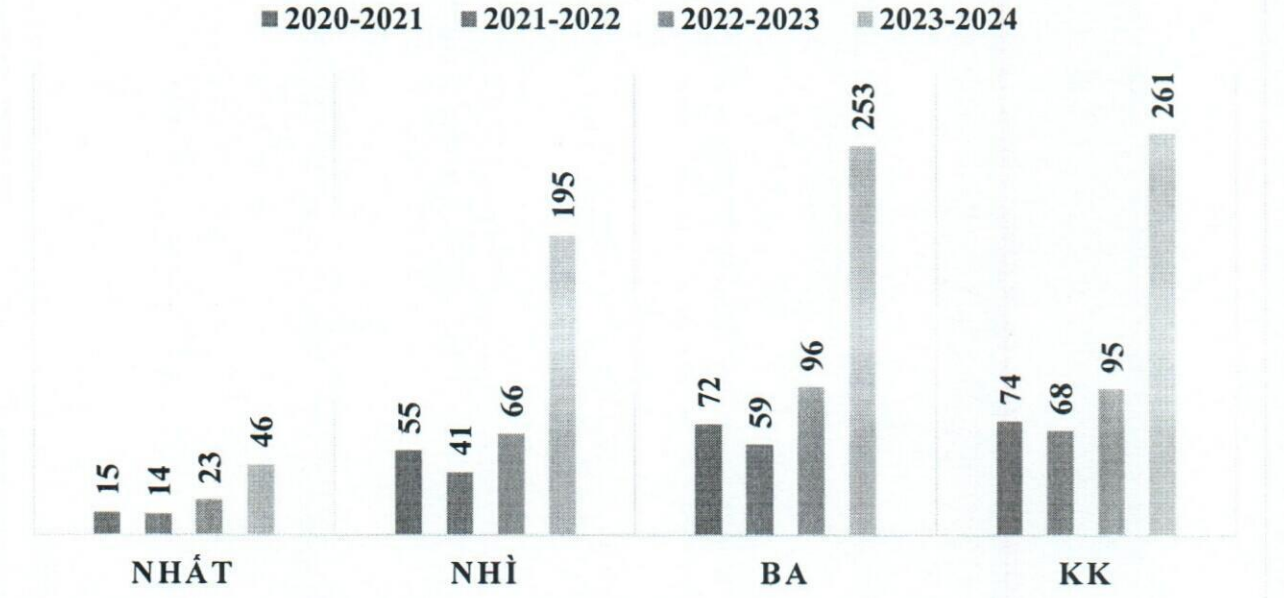

Năm học 2020-2021, năm học 2021-2022 do dịch bệnh Covid-19 nên cấp THCS không tổ chức thi chọn học sinh giỏi cấp thành phố.

c) Phát triển cơ sở vật chất

- Từ năm 2021 đến tháng 8 năm 2024, toàn huyện hoàn thành xây dựng mới 98 phòng học và 100 phòng chức năng; đến nay, có thêm 14 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, 04 trường đạt chuẩn mức độ II và 09 trường đã hoàn thành hồ sơ trình thành phố về kiểm tra công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ II trong năm 2024.

Đến năm 2024, có 72/79 trường học thuộc huyện đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 91,13% (Mầm non: 28/30; Tiểu học 23/25; THCS: 16/19; THPT: 5/5), (tăng 09 trường so với năm 2021); 11/79 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II, đạt tỷ lệ 13,9% (tăng 04 trường so với năm 2021). Tổng kinh phí đầu tư vốn sự nghiệp, đầu tư công, Chương trình nông thôn mới kiểu mẫu cho các cơ sở giáo dục đạt 471,3 tỷ đồng (Phụ lục 6).

- Về trang thiết bị dạy học nhận được sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư từ nhiều nguồn kinh phí cơ bản đáp ứng được nhu cầu tổ chức dạy học.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin

Đến nay, 100% các cơ sở giáo dục chuẩn bị tốt hạ tầng công nghệ thông tin như hệ thống đường truyền internet, mua sắm trang bị màn hình tivi, máy soi vật thể, phòng tin học, các phần mềm trong quản lý và dạy học; 100% giáo viên các bậc học tham gia bồi dưỡng chuyên môn trên hệ thống quản lý học tập (MLS); tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và kiểm tra đánh giá học sinh; 100% các trường phổ thông đều sử dụng phần mềm tuyển sinh, quản lý hồ sơ điện tử, học bạ điện tử.

đ) Công tác xã hội hóa giáo dục

Công tác xã hội hóa tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, thông qua công tác truyền thông trong giáo dục để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với sự nghiệp giáo dục, nhất là huy động các nguồn lực với tinh thần Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Từ năm 2021 đến nay, tổng nguồn kinh phí xã hội hóa của các trường MN, TH, THCS, THPT, TT GDNN-GDTX đạt 41,083 tỷ đồng. Huy động được 1,78 tỷ đồng cho quỹ Khuyến học của huyện trong năm 2022 và năm 2023 (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đến phụ lục 6*).

3. Nguyên nhân đạt được kết quả trên

Được sự quan tâm, tạo điều kiện của thành phố; sự tập trung chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở trong việc lãnh đạo, định hướng các trường học thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nâng cấp trường học; phát huy truyền thống giáo dục của từng địa phương; sự đoàn kết, cố gắng nỗ lực của cán bộ quản lý, tâm huyết trách nhiệm của đội ngũ giáo viên các bậc học; tích cực làm chủ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý và dạy học; sự đồng thuận, ủng hộ từ phụ huynh học sinh, cộng đồng, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân góp phần tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo của huyện.

4. Tồn tại, hạn chế

Quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết 05-NQ/HU, lĩnh vực giáo dục và đào tạo huyện có bước khởi sắc, phát triển về mạng lưới trường lớp, đội ngũ nhà giáo, chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng học sinh giỏi được nâng lên. Song, thực trạng giáo dục của huyện còn những hạn chế, khó khăn sau:

- Một số trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở chưa đạt chuẩn quốc gia[2], các trường chưa đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 do thiếu công trình nhà đa năng.

---

[2] Hiện nay, huyện còn 07 trường chưa đạt chuẩn quốc gia: Mầm non Việt Tiến, Mầm non Đồng Minh; TH Dũng Tiến và TH Giang Biên; THCS Cộng Hiền, THCS Cổ Am-Vĩnh Tiến, THCS Vinh Quang-Thanh Lương.

- Một số chỉ tiêu thực hiện nghị quyết khó đạt như: xây dựng trường mầm non tư thục, tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, tỷ lệ học sinh THCS học 2 buổi/ngày, tỷ lệ thạc sĩ của giáo viên bậc THPT.

- Đội ngũ giáo viên số lượng còn thiếu, nhất là giáo viên tiểu học (các môn văn hóa, Ngoại ngữ và Tin học), còn tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở một số nơi; số ít giáo viên chưa đạt chuẩn đào tạo theo quy định; tỷ lệ giáo viên học thạc sĩ chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ dạy học góp phần tích cực trong nâng cao chất lượng các bậc học còn thấp, chủ yếu là đội ngũ quản lý học thạc sĩ Quản lý giáo dục.

- Chất lượng giáo dục toàn diện, bồi dưỡng học sinh giỏi chưa tạo được sự bứt phá, đặc biệt trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10.

BIỂU ĐỒ XẾP SỐ THỨ TỰ THI TUYỂN SINH VÀO 10 THPT

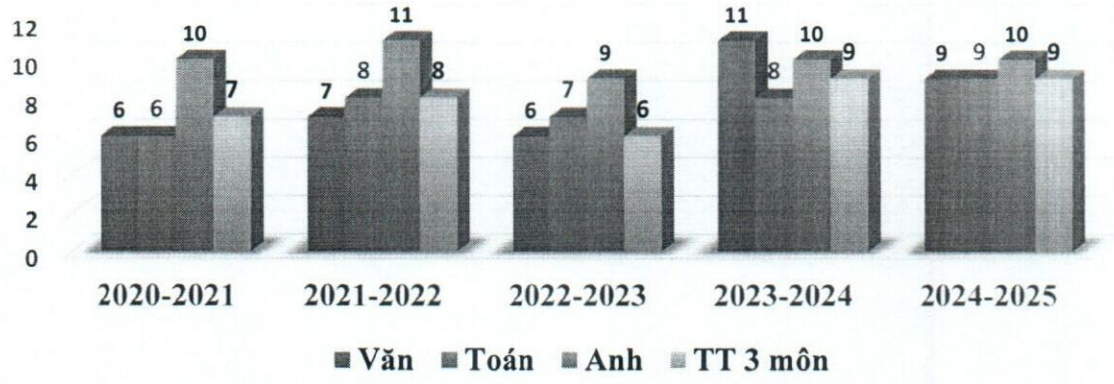

BIỂU ĐỒ SO SÁNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CÁC MÔN THI VÀO 10

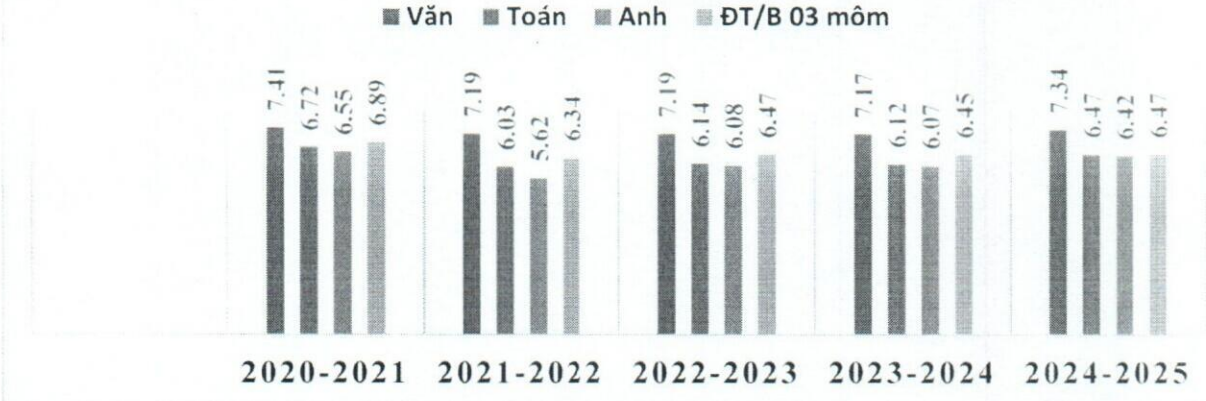

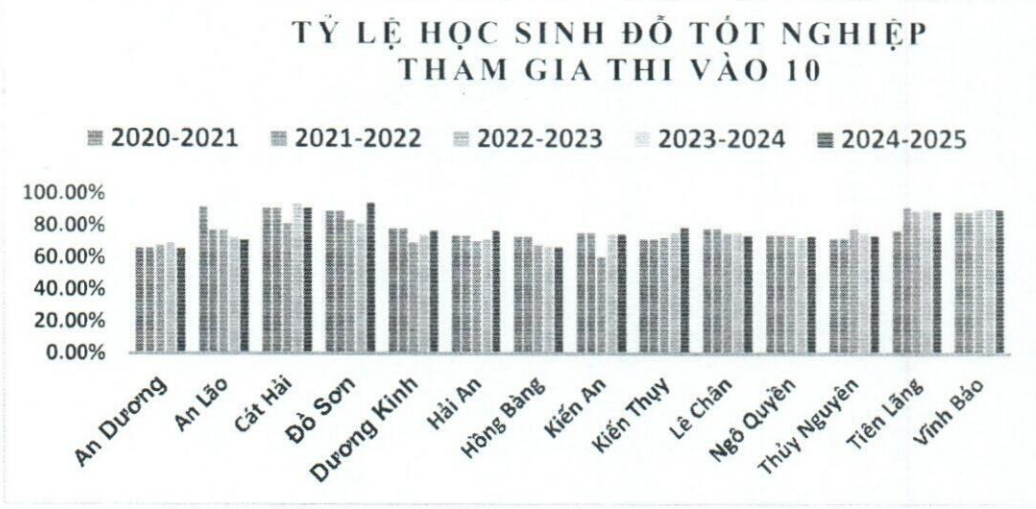

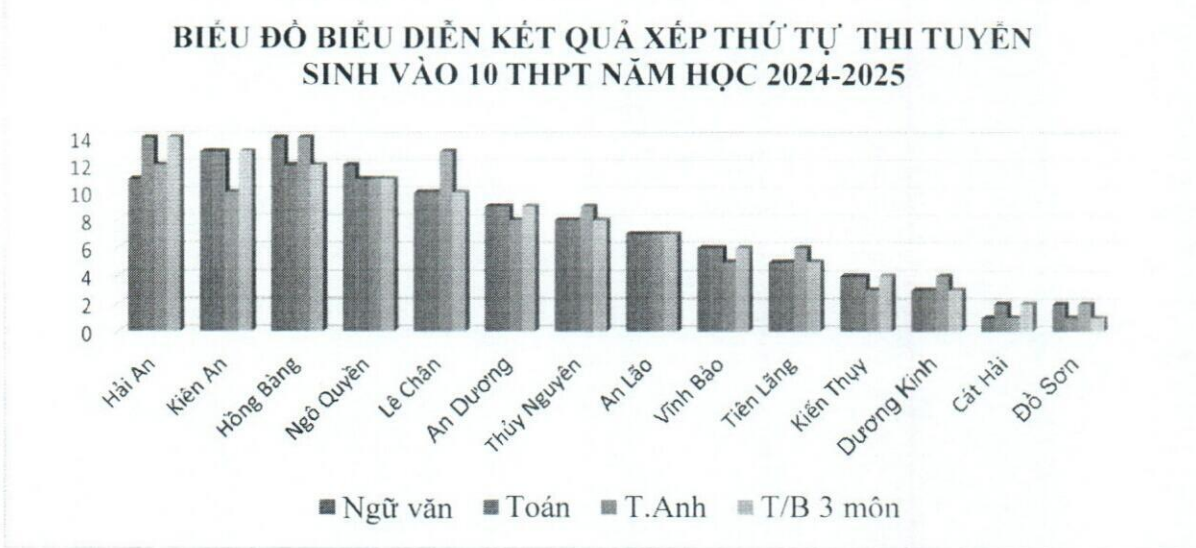

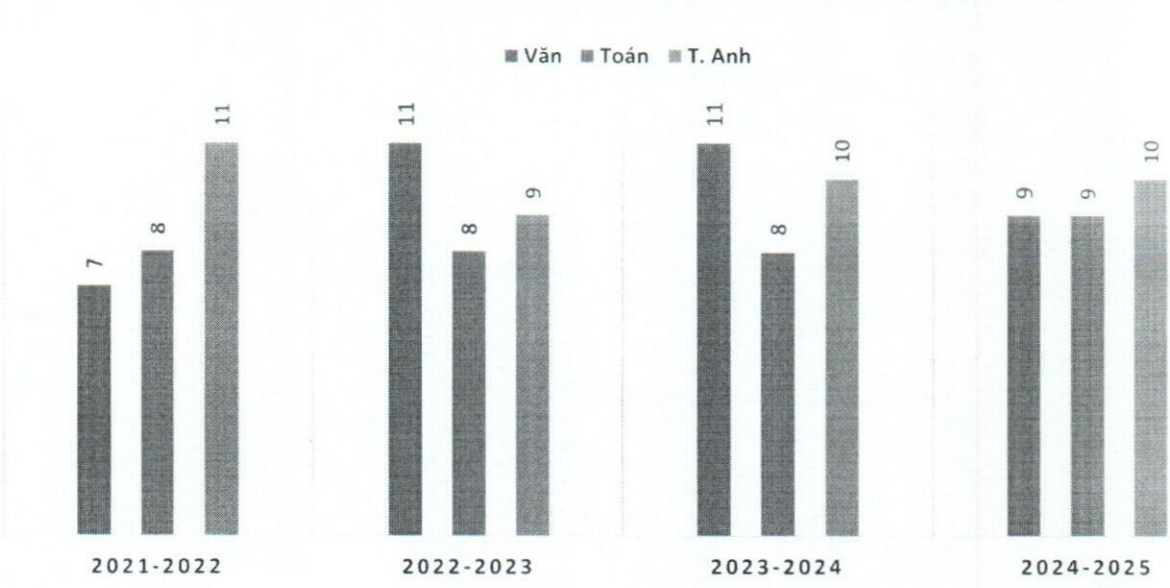

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục có chuyển biến song còn chậm. Chưa có mô hình phòng học thông minh, trung tâm Tin học; chưa xây dựng kế hoạch xác định tiêu chí đánh giá trường THCS, THPT chất lượng cao.

- Hiệu lực và hiệu quả quản lý của một bộ phận cán bộ quản lý giáo dục còn hạn chế. Chất lượng giáo dục có chuyển biến song chưa xứng tầm với tiềm năng của huyện.

5. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

**** Nguyên nhân khách quan:***

- Một số giáo viên có chuyên môn tốt dạy các môn như Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh đã về nghỉ chế độ bảo hiểm xã hội hoặc chuyển công tác về các trường ở các quận nội thành *(chảy máu chất xám)* đã làm cho đội ngũ yếu đi.

- Thực hiện theo lộ trình đầu tư của thành phố trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu dẫn đến tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia mức độ II còn chậm; thực hiện đề án sáp nhập xã trên địa bàn huyện giai đoạn 2023-2025 phải điều chỉnh quy hoạch, phân bổ nguồn lực cho phù hợp với đơn vị hành chính cấp xã, ít nhiều ảnh hưởng tới kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia.

- Số lượng chỉ tiêu tuyển sinh vào 10 THPT của huyện luôn cao (chiếm tới gần 85% so với số học sinh tốt nghiệp THCS) nên tỷ lệ phân luồng sau tốt nghiệp THCS thấp so với các quận huyện; trong khi đó một số quận, huyện ven nội thành có sự cạnh tranh khốc liệt vào lớp 10.

- Sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức trong việc hỗ trợ giáo dục chưa thực sự mạnh mẽ và đồng bộ.

**** Nguyên nhân chủ quan:***

- Việc xây dựng một số tiêu chí đặt ra chưa phù hợp với thực tiễn dẫn đến việc khó có thể đạt được các mục tiêu Nghị quyết như: xây dựng trường mầm non tư thục, tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, tỷ lệ học sinh THCS học 2 buổi/ngày, tỷ lệ thạc sĩ của giáo viên THPT,...

- Huyện chưa có sự chủ động trong công tác phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong định hình tiêu chí đánh giá và triển khai các chỉ tiêu xây dựng trường chất lượng cao.

- Động viên hỗ trợ và khuyến khích nâng cao trình độ cho giáo viên, cán bộ quản lý chưa thực sự mạnh mẽ, do đó tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn của cán bộ quản lý, giáo viên chưa đạt các chỉ tiêu, nhất là giáo viên đăng ký học thạc sĩ chuyên ngành phục vụ công tác giảng dạy góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng giáo dục mũi nhọn.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai phòng học thông minh, phòng học tiên tiến theo chuẩn quốc tế (STEM) lấy việc thực hành làm cốt lõi và các trung tâm Tin học, Ngoại ngữ còn chậm.

6. Một số kinh nghiệm

Một là, tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cấp, các ngành và huy động mọi tầng lớp Nhân dân tham gia, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Hai là, chú trọng xây dựng đội ngũ nhà giáo đủ số lượng và cơ cấu, có phẩm chất, năng lực và tâm huyết với nghề; thường xuyên rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; khơi dậy và phát huy được tinh thần chủ

động, tích cực của người học và sự chủ động, khát vọng, sáng tạo của giáo viên là nhiệm vụ quan trọng để thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

Ba là, thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, kết hợp đầu tư của Nhà nước gắn với xã hội hóa nguồn kinh phí cho công tác giáo dục làm thay đổi căn bản cơ sở vật chất trường học theo hướng hiện đại; tập trung xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Lấy chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo là mục tiêu, là động lực phấn đấu của cấp ủy, chính quyền, ngành giáo dục.

Bốn là, thực hiện tốt công tác truyền thông trong giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và Nhân dân về những chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về giáo dục; đặc biệt là khơi dậy, phát huy truyền thống hiếu học của quê hương.

II. NHỮNG CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Bổ sung một số chỉ tiêu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Tiếp tục duy trì, giữ vững các chỉ tiêu đã đạt và vượt theo nghị quyết, đồng thời bổ sung một số chỉ tiêu sau:

1.1. Giáo dục mầm non

- Đến năm 2025, 100% các trường triển khai chương trình làm quen tiếng Anh cho trẻ 3, 4, 5 tuổi.

- 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn, cán bộ quản lý có trình độ trên chuẩn đến năm 2025 đạt 6-7%; đến năm 2030 đạt 9-10% *(Chỉ tiêu Nghị quyết 05 đến năm 2025 từ 4-6%, đến năm 2030 từ 8-9%).*

1.2. Giáo dục tiểu học

100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn; cán bộ quản lý có trình độ trên chuẩn đến năm 2025 đạt 25-29%, phấn đấu đến năm 2030 đạt tỷ lệ 30-32% *(Chỉ tiêu Nghị quyết 05 đến năm 2025 từ 10-11%, đến năm 2030 từ 12-15%).*

1.3. Giáo dục trung học

- Tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS đạt 15%.

- Đối với cấp THCS, phấn đấu đến năm 2025 có 20% cán bộ quản lý THCS có trình độ trên chuẩn, đến năm 2030 đạt 25% *(Chỉ tiêu Nghị quyết 05 đến năm 2025 đạt 11-15%, đến năm 2030 đạt từ 18-20%).*

1.4. Giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp

Phấn đấu liên kết đào tạo được một số nghề cho người lao động gồm: Logistics; Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Hàn; Công nghệ ô tô; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Quản trị khách sạn; Điều dưỡng; Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ[3].

1.5. Về xây dựng phòng học thông minh

---

[3] Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND, ngày 19/7/2024 quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024-20230.

Phấn đấu đến năm 2025, mỗi bậc học lựa chọn 01 trường để xây dựng và sử dụng hiệu quả 01 phòng học thông minh.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo; quan tâm tổ chức quy hoạch hợp lý mạng lưới các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở gắn với việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã[4] hướng tới giảm số trường, tăng số lượng học sinh và lớp học mỗi trường nhằm tối ưu hóa cơ sở vật chất và nguồn nhân lực, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trong từng năm học và các chỉ tiêu nghị quyết đã đề ra.

(2) Khơi dậy tính chủ động tích cực, niềm vinh dự, tự hào về truyền thống hiếu học của quê hương Danh nhân Văn hóa Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm và khát vọng cống hiến cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, góp phần xây dựng quê hương Vĩnh Bảo ngày thêm giàu đẹp, văn minh. Chủ động đẩy mạnh phối hợp trong thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, nhất là về trình độ ngoại ngữ và kỹ năng bồi dưỡng học sinh giỏi, đảm bảo đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, vững về chuyên môn, có tâm huyết và trách nhiệm cao.

(3) Chỉ đạo thực hiện quản lý, đánh giá chất lượng giáo dục một cách đồng bộ và hiệu quả toàn hệ thống từ cấp huyện đến cấp trường. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng giáo dục mũi nhọn, phát triển giáo dục theo hướng hiện đại. Tranh thủ huy động nguồn lực thực hiện xây dựng ở mỗi cấp học xây dựng 01 trường có phòng học thông minh.

(4) Thường xuyên làm tốt công tác truyền thông để nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng và các chương trình đổi mới giáo dục. Tập trung tối đa các nguồn lực từ Nhà nước, cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân, khuyến khích sự tham gia tích cực của toàn xã hội để phát triển giáo dục và đào tạo góp phần thực hiện toàn diện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện và từng địa phương.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, sự quản lý của chính quyền đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

- Các cấp ủy, chính quyền quan tâm, chăm lo tới sự nghiệp giáo dục, trong đó tập trung quyết liệt vào việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc như: quy hoạch quỹ đất để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia các mức độ; đồng thời phối hợp với ngành giáo dục chỉ đạo tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng giáo dục đại trà, bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, xây dựng trường học đạt tiêu chí môi trường xanh, an toàn, hạnh phúc.

- Chỉ đạo, tạo điều kiện cho các trường học thuộc địa bàn được sử dụng các thiết chế văn hóa như: sân vận động, nhà văn hóa, hội trường lớn,... của các xã sáp

---

[4] Đề án số 2932/ĐA-UBND, ngày 27/12/2023 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 của huyện Vĩnh Bảo.

nhập, xã không thuộc diện sáp nhập để phát huy hiệu quả sử dụng và phục vụ trước mắt nhu cầu thiết yếu các hoạt động dạy và học ngoại khóa, trải nghiệm, giáo dục truyền thống,... của nhà trường, giáo viên và học sinh.

- Tổ chức các buổi trao đổi và lấy ý kiến đóng góp từ các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân, nhằm thu thập các ý tưởng và giải pháp sáng tạo cho giáo dục và đào tạo của các địa phương và huyện.

- Tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo huyện với đại diện cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh các nhà trường trên địa bàn để thảo luận về việc thực hiện Nghị quyết và Đề án giáo dục và đào tạo, từ đó điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách phù hợp với thực tiễn.

3.2. Quy hoạch và phát triển mạng lưới trường học, trường chuẩn quốc gia

- Ưu tiên xây dựng các công trình trường học của Đề án nông thôn mới nâng cao hoàn thành quý I/2025 để trình Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra công nhận trường chuẩn quốc gia vào quý II/2025 đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn về trường đạt quốc gia về cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục.

- Tăng cường huy động vốn từ ngân sách nhà nước, xã hội hóa giáo dục và các nguồn tài trợ để đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trường học; thực hiện việc tách trường, sáp nhập trường học các trường tiểu học và THCS theo đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 và giai đoạn 2026-2030.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đánh giá tiêu chí trường chất lượng cao phù hợp với thực tiễn của huyện và quy định của ngành giáo dục (đối với trường THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm, THCS Tam Cường, THPT Vĩnh Bảo).

- Tổ chức tốt việc ký kết, đào tạo nghề với các trường đại học, cao đẳng, trung tâm giáo dục có uy tín, trong và ngoài thành phố để tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho huyện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển huyện mạnh về công nghiệp và dịch vụ. Thực hiện tốt công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh từ cấp tiểu học đến cấp THPT.

3.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý

- Chỉ đạo các cấp học quan tâm chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, làm tốt công tác tư tưởng, khơi dậy niềm tự hào về truyền thống hiếu học của quê hương; động viên, khuyến khích giáo viên phát huy tinh thần vươn lên tự học, tự nghiên cứu, tham gia thi giáo viên dạy giỏi các cấp, cập nhật bổ sung kiến thức mới về chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục, phát triển đi lên của từng địa phương, đơn vị; làm căn cứ để đánh giá xếp loại, biểu dương khen thưởng hằng năm.

- Chú trọng tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề, nghiệp vụ nghiệp vụ chuyên sâu cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bằng việc mời chuyên gia cao cấp các lĩnh vực giáo dục; mở các lớp bồi dưỡng cho giáo viên học tập nâng cao trình độ tiếng anh, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ hội nhập, kỹ năng phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu. Phối hợp liên kết đào tạo để dần thay đổi cách làm giáo dục theo hướng hiện đại, tiệm cận với sự phát triển của khoa học công nghệ.

- Xây dựng cơ chế thu hút, khuyến khích động viên kịp thời cho giáo viên có thành tích xuất sắc bằng các quỹ khuyến tài; hỗ trợ giáo viên học đạt chuẩn, nâng chuẩn, giáo viên dạy giỏi, giáo viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

3.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục

- Huy động nguồn vốn xã hội hóa, ngân sách Nhà nước năm 2025 để xây dựng thí điểm 01 phòng học thông minh tại các trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT theo lộ trình đề ra. Đồng thời, bồi dưỡng cho giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả các tiện ích của phòng học thông minh, phục vụ đắc lực cho việc đánh giá, học tập, nhân rộng mô hình phù hợp với điều kiện của từng trường nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, tạo ra hướng tiếp cận công nghệ giáo dục mới. Thường xuyên củng cố năng lực cho giáo viên tổ chức thực hiện phát triển và số hóa tài liệu dạy học, học liệu và triển khai các nền tảng học tập trực tuyến.

- Đào tạo kỹ năng số cơ bản và nâng cao cho toàn bộ giáo viên, hướng dẫn học sinh và phụ huynh sử dụng nền tảng giáo dục trực tuyến. Triển khai hạ tầng internet tốc độ cao và trang thiết bị công nghệ cho các trường học để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Thực hiện ứng dụng các phần mềm giáo dục để phát triển ngành giáo dục hiện đại, chú trọng đổi mới tư duy, phương pháp để nâng cao chất lượng giáo dục.

3.5. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng giáo dục mũi nhọn

- Tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục phát huy được lợi thế, tiềm năng của từng đơn vị với quyết tâm nâng cao chất lượng các bộ môn văn hóa cơ bản, học sinh giỏi các cấp qua từng năm; kết hợp với tổ chức đoàn nghiên cứu học tập cách làm giáo dục của đơn vị kết nghĩa, các trường điểm, trường dẫn đầu khối trong và ngoài huyện, các trường có mô hình, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả; đồng thời tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, củng cố niềm tin, kỹ năng sống và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh; tư vấn, định hướng, khuyến khích phát triển năng lực cá nhân, nhất là tinh thần tự học vươn lên trong học sinh.

- Tập trung triển khai hiệu quả các giải pháp để nâng cao chất lượng và tạo đột phá về giáo dục ngoại ngữ, tin học và chất lượng giáo dục mũi nhọn; đổi mới nội dung, phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi để phù hợp với nội dung, chương trình giáo dục phổ thông mới; động viên kịp thời học sinh đoạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện, thành phố, cấp quốc gia.

- Thực hiện số hóa tài liệu giảng dạy và học liệu, tích hợp các công nghệ tiên tiến vào nội dung học tập để tạo ra môi trường học tập hấp dẫn và hiệu quả. Khuyến khích và hỗ trợ giáo viên sử dụng công nghệ, công cụ dạy học trực tuyến và phần mềm quản lý học tập để đổi mới phương pháp giảng dạy.

3.6. Quản lý và tổ chức thực hiện

- Quan tâm giới thiệu, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, tạo môi trường, điều kiện làm việc thuận lợi cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường học, đặc biệt là công tác tìm kiếm, phát hiện những giáo viên có chuyên môn giỏi tâm huyết

với nghề, có đóng góp cho sự nghiệp giáo dục, phục vụ cho công tác cán bộ. Từ đó, phát triển năng lực, khơi dậy niềm đam mê, tính tích cực, đổi mới, cống hiến của đội ngũ nhà giáo cho sự phát triển ngành giáo dục. Đồng thời, quan tâm tuyển dụng mới giáo viên các cấp học theo nhu cầu thực tế, khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ hiện nay.

- Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng giáo dục đồng bộ, từ cấp huyện đến cấp trường, đảm bảo sự minh bạch, công khai và hiệu quả trong quá trình triển khai các chỉ tiêu giáo dục.

- Thực hiện đánh giá định kỳ các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã thực hiện, gắn với kiểm tra, giám sát, từ đó điều chỉnh kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đề ra.

3.7. Huy động nguồn lực và sự tham gia của cộng đồng

- Tăng cường xã hội hóa thông qua việc kêu gọi sự đóng góp, đầu tư từ Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, và cá nhân vào cơ sở vật chất, trang thiết bị, và chương trình giáo dục. Xây dựng quan hệ hợp tác với doanh nghiệp và tổ chức trong và ngoài địa phương để huy động tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, và chia sẻ kinh nghiệm.

- Việc tổ chức các chương trình huy động tài trợ, đảm bảo công khai, minh bạch để tạo lòng tin và sự tham gia tích cực từ các nhà tài trợ và cộng đồng. Chỉ đạo xây dựng các quỹ khuyến học, khuyến tài, quỹ Giải thưởng Nguyễn Bỉnh Khiêm,... phát động sâu rộng phong trào dòng họ học tập, gia đình học tập, xây dựng xã hội học tập, gắn với biểu dương khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu có đóng góp cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo của huyện và các địa phương, đơn vị.

3.8. Thực hiện tốt công tác truyền thông

- Đa dạng hóa kênh truyền thông, sử dụng hiệu quả cả phương tiện truyền thông truyền thống và hiện đại như mạng xã hội, website, ứng dụng di động để tiếp cận mọi đối tượng.

- Tổ chức chiến dịch thực hiện chiến dịch truyền thông thường xuyên, xây dựng mạng lưới cộng tác viên từ giáo viên, học sinh, phụ huynh, và phát triển các tài liệu truyền thông chất lượng cao như video mẫu và các hình ảnh trực quan đồ họa thông tin *(infographic)* nhằm truyền tải thông tin một cách dễ hiểu, nhanh chóng, và hấp dẫn để truyền tải thông tin rõ ràng, dễ tiếp cận.

III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố quan tâm chỉ đạo, tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, cụm, khu công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, tăng quy mô kinh tế của huyện, trên cơ sở khai thác tiềm năng thế mạnh, phát huy nội lực để huyện có điều kiện tập trung đầu tư phát triển giáo dục đáp ứng yêu cầu mới.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố nghiên cứuban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ mạnh mẽ cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo, trong đó quan tâm ưu tiên đầu tư nâng cấp, xây mới cơ sở vật chất trường học, đảm bảo các điều kiện dạy và học đạt chuẩn quốc gia; đặc biệt là các chính sách hỗ trợ khuyến khích, động

viên giáo viêncó thành tích xuất sắc trong giảng dạy và quản lý nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ; tiếp tục quan tâm chính sách miễn học phí và các khoản hỗ trợ học tập, đảm bảo công bằng trong việc tiếp cận giáo dục của học sinh.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố hỗ trợ tư vấn cho huyện về mô hình, cách làm hay, hiệu quả trong thu hút nhân tài phù hợp với điều kiện thực tiễn của huyện ngoại thành, nhất là đội ngũ giáo viên dạy giỏi; giới thiệu chuyên gia trên các lĩnh vực giáo dục về làm việc, tập huấn, bồi dưỡng, tham vấn xây dựng cơ chế, chính sách tại huyện để sự nghiệp giáo dục và đào tạo huyện có bước khởi sắc mới, tiếp cận với trình độ giáo dục hiện đại, nhằm mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ có chất lượng, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển huyện trong giai đoạn mới./.

Nơi nhận:
- Thường trực Thành ủy (để báo cáo),
- Ban Tuyên giáo, Văn phòng Thành ủy (để báo cáo),
- Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố (để báo cáo),
- Thường trực Huyện ủy,
- Thường trực HĐND, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện,
- Các đồng chí Ủy viên Huyện ủy,
- MTTQ và các tổ chức CT-XH huyện,
- Các chi bộ, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy,
- Các ngành, đơn vị có liên quan,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
HUYỆN ỦY VĨNH BẢO
ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bùi Gia Huấn

PHỤ LỤC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SO VỚI CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT SỐ 05-NQ/HU

STT	Tên các chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Đã đạt đến 31/8/2024	Đánh giá mức độ hoàn thành đến 2025	Nguyên nhân
I	**Giáo dục mầm non**				
1	Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi	78%	79,3%	Vượt	
2	Tỷ lệ trẻ nhà trẻ	47%	48,4%	Vượt	
3	Tỷ lệ trẻ mẫu giáo 4 tuổi, 5 tuổi đến trường *(4 tuổi đạt 99,2%, 5 tuổi đạt 100%)*	100%	99,6%	Chưa đạt	Do công tác tuyên truyền, trách nhiệm của các cấp chính quyền
4	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng	< 3%	0,02%	Vượt	
5	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	100%	94,8%	Chưa đạt	Một số GV sắp đến tuổi nghỉ chế độ
6	Tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ	4-6%	0%	Đạt	Hiện có 06 đồng chí đang làm luận văn thạc sĩ
7	Số trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục	100%	93.33%	Đạt	
8	Số trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ II	05 trường	06 trường	Vượt	
9	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II	03 trường	06 trường	Vượt	
10	Xây dựng trường mầm non tư thục	01 trường	0 trường	Chưa đạt	Không có nhà đầu tư
II	**Giáo dục tiểu học**				
1	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi	100%	100%	Đạt	
2	Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày	100%	100%	Đạt	
3	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	100%	94,35%	Chưa đạt	Một số GV sắp đến tuổi nghỉ chế độ
4	Tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ	10-11%	6%	Vượt	Hiện có 17 đồng chí đang làm luận văn thạc sĩ đến quý II năm 2025 đạt trên 30%
5	Số trường đạt chuẩn quốc gia	100%	92%	Cơ bản đạt	

6	Số trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ II	11 trường	04 trường	Chưa đạt	Các xã xây dựng NTM nâng cao lựa chọn trường mầm non đầu tư CSVC mức độ 2. Các xã sáp nhập không đầu tư CSVC trường mức độ 2
7	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II	05 trường	01 trường	Chưa đạt	Các xã xây dựng NTM nâng cao lựa chọn trường mầm non đầu tư CSVC mức độ 2. Các xã sáp nhập không đầu tư CSVC trường mức độ 2
III	**Giáo dục THCS**				
1	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi	100%	100%	Đạt	
2	Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày	55%	0%	Chưa đạt	Chỉ tiêu không phù hợp với thực tiễn
3	Tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS	20%	12,2%	Chưa đạt	Chỉ tiêu cao so với thực tiễn, vì hàng năm chỉ tiêu tuyển sinh vào 10 được giao của các trường THPT là 85%, nên phân luồng tối đa chỉ đạt 15%
4	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	100%	97,46%	Chưa đạt	Một số GV sắp đến tuổi nghỉ chế độ, một số giáo viên có nhu cầu nhưng chưa có lớp đào tạo
5	Tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ	11-15%	7,32%	Vượt	Có 06 đồng chí đang làm luận văn thạc sĩ, đến quý II năm 2025 đạt 22.5%

6	Số trường đạt chuẩn quốc gia	100%	84,2%	Đạt	Thực hiện theo lộ trình sáp nhập xã ...
7	Số trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ II	11 trường	06 trường	Chưa đạt	Các xã xây dựng NTM nâng cao lựa chọn trường mầm non đầu tư CSVC mức độ 2. Các xã sáp nhập không đầu tư CSVC trường mức độ 2
8	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II	04 trường	03 trường	Chưa đạt	Các xã xây dựng NTM nâng cao lựa chọn trường mầm non đầu tư CSVC mức độ 2. Các xã sáp nhập không đầu tư CSVC trường mức độ 2
9	Xây dựng trường chất lượng cao: THCS Tam Cường, THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	Hoàn thành giai đoạn 1	Chưa đánh giá		Do huyện chưa xây dựng kế hoạch tiêu chí đánh giá
IV	**Giáo dục THPT**				
1	Tỷ lệ thanh thiếu niên đi học đúng độ tuổi	99,3%	100%	Vượt	
2	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT	99,5%	99,71%	Vượt	
3	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đi học các trường nghề	35%	36,5%	Vượt	
4	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	100%	100%	Đạt	
5	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ thạc sĩ	Trên 35%	27,2%	Chưa đạt	Giáo viên không có nhu cầu
6	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II	01 trường	01 trường	Đạt	
7	Mô hình trường THPT Vĩnh Bảo chất lượng cao	đang thực hiện	Chưa đánh giá		Chưa định hình tiêu chí đánh giá
V	**Giáo dục NN-GD thường xuyên**				
1	Tỷ lệ học sinh vừa học văn hóa vừa học nghề	97%	99,12%	Vượt	
2	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	100%	100%	Đạt	

3	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ thạc sĩ	20%	21,42%	Vượt	
4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	87%-88%	87,5%	Đạt	
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	65%	65%	Đạt	
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ	40%	41,14%	Vượt	
VI	**Thành lập Trung tâm Tin học**	01 TT Tin học	0	Chưa đạt	Không có nhà đầu tư

(Tổng số chỉ tiêu theo Nghị quyết 05-NQ/HU đề ra là 40 chỉ tiêu, kết quả thực hiện: 13 chỉ tiêu vượt, 12 chỉ tiêu đạt, 13 chỉ tiêu chưa đạt và 02 chỉ tiêu chưa đánh giá)

PHỤ LỤC 1
MỘT SỐ VĂN BẢN BAN HÀNH
Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU

STT	Số/ký hiệu văn bản	Ngày/tháng/ năm ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
I	**Văn bản của cấp ủy Đảng**			
1	Nghị quyết số 05-NQ/HU	10/12/2021	Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	
2	Kế hoạch số 63-KH/HU	30/3/2022	Tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU, ngày 10/12/2021 của Huyện ủy	
3	Quyết định số 452-QĐ/HU	01/6/2023	Giám sát kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về "Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"; thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU, ngày 10/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về *"Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030"*	
II	**Văn bản của UBND**			
1	Kế hoạch số 1240/KH-UBND	21/6/2022	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU, ngày 10/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVI và Đề án 2568/ĐA-UBND ngày 29/11/2021	
2	Kế hoạch số 2364/KH-UBND	04/11/2021	Kế hoạch chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025"	
3	Kế hoạch số 2441/KH-UBND	12/11/2021	Kế hoạch chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" năm học 2021-2022	
4	Kế hoạch số 2301/KH-UBND	12/10/2022	Kế hoạch chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" năm học 2022-2023	
5	Kế hoạch số 252/KH-UBND	16/10/2023	Kế hoạch chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" năm học 2023-2024	

PHỤ LỤC 2
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC MẦM NON
Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU

Năm	Học sinh								Giáo viên				Trường học				
	Tổng số	Huy động trẻ trong độ tuổi đến trường *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 78%)*					Tỷ lệ trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 100%)*	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 dưới 3%)*	Tổng số	Số GV,NV còn thiếu *(Chỉ tiêu NQ đến 2025: đủ giáo viên, nhân viên)*	Tỷ lệ giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 100%)*	Tỷ lệ cán bộ quản lý đang học thạc sĩ *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 4-6%)*	Tổng số	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 100%)*	Số trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ II *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 có thêm 5 trường)*	Số trường được công nhận đạt trường chuẩn quốc gia mức độ II *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 có thêm 3 trường)*	Thành lập thêm trường mầm non tư thục *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 có thêm 1 trường)*
		Nhà trẻ (%)	Mẫu giáo 3 tuổi (%)	Mẫu giáo 4 tuổi (%)	Mẫu giáo 5 tuổi (%)	Đạt chung (%)											
2022	11303	42,2	88,2	97,8	100	72,5	100	2	708	30	93,6	0	31	87	0	0	0
2023	11668	46,5	88,8	98,1	100	76,4	100	3	718	19	94,7	0	30	93,3	5	2	0
Dự kiến tháng 2/2025	11382	48,4	91,6	98,3	100	84,57	100	2	779	14	97,87	7.1	30	93,3	5	6 (có thêm 04 trường đang đề nghị thành phố kiểm tra)	0

PHỤ LỤC 3
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC TIỂU HỌC
Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU

Năm	Học sinh			Giáo viên				Trường học			
	Tổng số	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi (6-10 tuổi) *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 100%)*	Tỷ lệ học sinh học 2 buổi ngày *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 100%)*	Tổng số	Số GV, NV còn thiếu *(Chỉ tiêu NQ đến 2025: đủ giáo viên, nhân viên)*	Tỷ lệ giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 100%)*	Tỷ lệ cán bộ quản lý đã, đang học thạc sĩ *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 10-11%)*	Tổng số	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 100%)*	Số trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ II *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 có thêm 11 trường)*	Số trường đạt trường chuẩn quốc gia mức độ II *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 có thêm 5 trường)*
2022	16467	100%	100%	664	127	90,7%	6%	29	75,9%	2	0
2023	17034	100%	100%	671	128	93,1%	6%	26	88,5%	2	0
Dự kiến tháng 2/2025	16095	100%	100%	672	65	94,35%	36%	25	92%	4	1

PHỤ LỤC 4
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THCS
Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU

Năm	Học sinh				Giáo viên				Trường học				
	Tổng số	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi (11-14 tuổi) *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 100%)*	Tỷ lệ học sinh học 2 buổi ngày *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 55%)*	Tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 20%)*	Tổng số	Số GV,NV còn thiếu *(Chỉ tiêu NQ đến 2025: đủ giáo viên)*	Tỷ lệ giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 100%)*	Tỷ lệ cán bộ quản lý đã, đang học thạc sĩ *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 11-15%)*	Tổng số	Tỷ lệ trường có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt trên 80%)*	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 100%)*	Số trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ II *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 có thêm 11 trường)*	Số trường đạt trường chuẩn quốc gia mức độ II *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 có thêm 4 trường)*
2022	9556	100%	0%	10%	496	37	96%	6,5%	23	82,7%	74%	4	1
2023	11377	100%	0%	9%	519	16	96,9%	6,8%	22	86,2%	78,3%	3	1
Dự kiến đến tháng 2/2025	13130	100%	0%	Dự kiến 15%	511	57	97,46%	22,5%	19	89,5%	84,2%	6	3

PHỤ LỤC 5
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THPT
Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU

Năm	Học sinh				Giáo viên				Trường học				
	Tổng số	Tỷ lệ thanh thiếu niên đi học đúng độ tuổi trung học phổ thông (15-18 tuổi) *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 99,3%)*	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt trên 99%)*	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đi học các trường nghề *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 35%)*	Tổng số	Số GV còn thiếu *(Chỉ tiêu NQ đến 2025: đủ giáo viên)*	Tỷ lệ giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt 100%)*	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ thạc sĩ *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt trên 35%)*	Tổng số	Tỷ lệ trường có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 đạt trên 85%)*	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 có thêm 01 trường)*	Mô hình trường chất lượng cao *(Chỉ tiêu NQ đến 2025 xây dựng Đề án trường Trung học phổ thông Vĩnh Bảo - mô hình trường chất lượng cao)*
2022	6198	100%	99,67%	37,25%	312	24	100%	25,48%	5	100%	5	1	0
2023	7029	100%	99,46%	36,50%	310	34	100%	23,46%	5	100%	5	1	0
T2/2025	6698	100%	100%		305	51	100%	27,2%	5	100%	5	1	0

PHỤ LỤC 6
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU

STT	Tên chương trình, kế hoạch	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kinh phí xã hội hóa	Ghi chú
1	Đầu tư vốn sự nghiệp sửa chữa	Năm 2021	41.145.000.000		
		Năm 2022	40.938.000.000		
		Năm 2023	31.658.000.000		
2	Nguồn đầu tư công xây mới, sửa chữa,…	Năm 2022	51.147.000.000		
		Năm 2023	50.609.000.000		
3	Chương trình Nông thôn mới	Năm 2022	124.685.000.000		
		Năm 2023	97.523.000.000		
4	Xây dựng khu vui chơi, mái tôn,…	Năm học 2021-2022		23.515.386.000	
		Năm học 2022-2023		11.579.500.000	
		Năm học 2023-2024		5.978.825.000	
5	Sửa chữa nhỏ, mua sắm thiết bị mầm non	Năm học 2021-2022	8.635.755.000		
		Năm học 2022-2023	8.853.900.000		
		Năm học 2023-2024	9.067.600.000		
6	Mua thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1, 2, 6	Năm học 2021-2022	10.084.400.000		
Tổng kinh phí thực hiện:			**471.346.655.000**	**41.083.711.000**	

PHỤ LỤC 7
Công tác thi đua khen thưởng

TT	Thi đua, khen thưởng	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
A	**TẬP THỂ**		
1	Tập thể lao động tiên tiến	71	67
2	Tập thể lao động xuất sắc	22	20
3	UBND Thành phố tặng bằng khen	7	5
4	Cờ UBND thành phố	3	2
5	Cờ thi đua Chính phủ	0	1
6	Thủ Tướng Chính Phủ tặng bằng khen	0	1
7	Huân chương hạng 2	0	1
8	Giải thưởng Nguyễn Bỉnh Khiêm	4	
Tổng:		**107**	**97**
B	**CÁ NHÂN**		
1	Lao động tiên tiến	2347	2312
2	Chiến sĩ thi đua cơ sở	318	315
3	Chiến sĩ thi đua Thành phố	2	0
4	UBND Thành phố tặng bằng khen	93	86
5	Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen	0	0
6	Bằng khen Thủ Tướng	2	4
7	Giải thưởng Nguyễn Bỉnh Khiêm	5	
Tổng:		**2767**	**2717**